

Bản án số: 94/2019/DS-ST
Ngày 23 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 190/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1980

Cư trú tại: ấp Hòa Hải, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Hồng T1, sinh năm 1977

Ông Lâm Thanh D, sinh năm 1976.

Cùng cư trú tại: ấp Hòa Hải, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (bà T có mặt; ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019 trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:

Ông có tham gia hụi do bà T1 và ông D làm đầu thảo như sau.

Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/10/2017a1, tháng khui 2 lần, gồm có 54 chung, ông tham gia 1 chung. Chung hụi này ông đóng được 26 lần thì ông D, bà T tuyên bố đình hụi ngày 15/10/2018, ông đã đóng được cho bà T và ông D số tiền 13.000.000 đồng. Hụi sau khi khui đóng 01 lần khoảng 370.00 đồng.

Khi ông D , bà T tuyên bố đình hui ông có nhiều lần đến gặp để lấy tiền nhưng ông D , bà T không trả cho ông.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/12/2018 tại ấp Hòa Hải, bà T thừa nhận còn nợ ông số tiền hui 12.700.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu bà T và ông D trả cho bà tổng số tiền hui ông đóng thực tế là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê Hồng T trình bày:

Trước đây ông T có tham gia chơi 01 chân hui do bà làm đầu thảo, sau khi mở được một thời gian do tay em bỏ đi và không đóng hui cho bà, nên bà không có tiền giao hui cho các tay em khác, sau đó bà tuyên bố ngưng hui vào ngày 15/10/2018.

Ông T tham gia dây hui 500.000 đồng, mở ngày 15/10/2017a1, tháng khui 2 lần, gồm 54 chung. Dây hui này đình hui ngày 15/10/2018, ông T đóng được số tiền 10.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/12/2018, bà thừa nhận có nợ ông T số tiền hui 12.700.000 đồng, nhưng do hiện nay các hui em không đóng hui cho bà, nên bà yêu cầu được trả số tiền vốn ông T đã đóng hui cho bà là 10.000.000 đồng.

Nay, theo yêu cầu của ông T , bà đồng ý trả ông T số tiền hui còn thiếu 10.000.000 đồng.

Bà xác định số tiền nợ hui là khoản nợ riêng của bà, không phải nợ chung của bà và ông D . Bà không đồng ý việc ông T yêu cầu ông D trả nợ cùng bà.

Đối với bị đơn ông Lâm Thanh D : Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D theo quy định của pháp luật, nhưng ông D không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của của ông T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D trả số tiền hui còn thiếu. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông T xác định vào ngày 15/10/2017a1, ông tham gia chơi 1 chung, hui 500.000 đồng, ông đã đóng được được số tiền 10.000.000 đồng, đến ngày 15/10/2018 ông D , bà T tuyên bố đình hui. Nay, ông yêu cầu bà T và ông D trả bà tiền hui còn thiếu là 10.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông T , Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên bản hòa giải vụ việc tranh chấp hội ngày 26/12/2018 của ấp Hòa Hải và biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa ông T yêu cầu bà T và ông D trả số tiền ông T đã đóng hội thực tế số tiền 10.000.000 đồng. Bà T xác định còn thiếu ông T số tiền hội như ông T yêu cầu và bà đồng ý trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*” nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Ngoài ra, bà T xác định số tiền nợ hội, tiền vay đó là khoản nợ riêng của bà, không phải nợ chung của bà và ông D . Bà không đồng ý việc ông T yêu cầu ông D liên đới cùng bà trả nợ.

Xét thấy, tại phiên tòa bà T xác định tại thời điểm bà mở hội, bà và ông D đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng và chưa được Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, việc chơi hội trong dân nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, cũng như thu nhập hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình buộc bà T và ông D phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hội và vay cho ông T .

[5] Đối với ông D , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông D không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của ông T , nên ông phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T . Buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D liên đới trả cho ông Bùi Văn T số tiền hội còn thiếu 10.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T và ông D phải chịu số tiền là 500.000 đồng. (10.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T .

Buộc bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D liên đới trả cho ông Bùi Văn T số tiền hui còn thiếu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông T 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009418 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Lê Hồng T và ông Lâm Thanh D phải chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) bà Thẩm và ông Danh chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hà Nguyễn Hải Âu

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 23 tháng 8 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Hải Âu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 190/2019/TLST–DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hui giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Văn Thắng, sinh năm 1980

Bị đơn: Bà Lê Hồng Thắm, sinh năm 1977 và ông Lâm Thanh Danh, sinh năm 1976.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về căn cứ và áp dụng điều luật:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biêu quyết: 03/03.

Về quan điểm xét xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Thắng.

Buộc bà Lê Hồng Thắm và ông Lâm Thanh Danh liên đới trả cho ông Bùi Văn Thắng số tiền hui còn thiếu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn Thắng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Thắng 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009418 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Lê Hồng Thắm và ông Lâm Thanh Danh phải chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) bà Thắm và ông Danh chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 23 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hà Nguyễn Hải Âu

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐST-DS

Đàm Dơi, ngày 12 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phong

2. Ông Trần Chí Nhân

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Phạm Như Em, sinh năm 1983.
2. Chị Nguyễn Kim Tiến, sinh năm 1988.
3. Anh Trần Bá Thành, sinh năm 1986.
4. Bà Nguyễn Thanh Hường, sinh năm 1946.
5. Chị Trần Thị Tiên, sinh năm 1981.
6. Anh Huỳnh Công Chuyện, sinh năm 1981.

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (đều có mặt)

7. Chị Phạm Út Trinh, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

8. Chị Phạm Thu Yên, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Vàng, sinh năm 1971 và bà Trương Lệ Thủy, sinh năm 19

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Phạm Như Em yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 13.750.000 đồng; Chị Phạm Như Yên yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 49.750.000 đồng; Chị Phạm Út Trinh yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 20.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thanh Hường yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 51.390.000 đồng; Anh Trần Bá Thành và chị Trần Kim Tiến yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 44.500.000 đồng; Anh Huỳnh Công Chuyện và Trần Thị Tiên yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 206.750.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy đồng ý trả cho anh Phạm Như Em số tiền hui 13.750.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Trả cho chị Phạm Thu Yên số tiền hui 49.750.000 đồng (bốn mươi chín triệu bảy

trăm năm mươi ngàn đồng); Trả cho chị Phạm Út Trinh số tiền hội 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Trả cho bà Nguyễn Thanh Hương số tiền hội và tiền mua hội 51.390.000 đồng (năm mươi một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); Trả cho chị Nguyễn Kim Tiến và anh Trần Bá Thành số tiền hội và tiền mua hội 44.500.000 đồng (bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng); Trả cho chị Trần Thị Tiên và anh Huỳnh Công Chuyện số tiền hội và tiền vay 206.750.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Như Em, chị Phạm Thu Yên, chị Phạm Út Trinh, chị Nguyễn Kim Tiến và anh Trần Bá Thành, chị Trần Thị Tiên và anh Huỳnh Công Chuyện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Em 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009290; chị Yên 1.244.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009291; chị Trinh 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009196 cùng ngày 18/4/2019; anh Thành và chị Tiên 1.113.000 đồng (một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai số 0009173 ngày 27/3/2019; anh Chuyện và chị Tiên 2.584.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009250 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Thị Thu Thủy (Trương Thu Thủy) phải chịu 19.307.000 đồng (mười chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) chưa nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hà Nguyễn Văn Hiễn

Ngô Giang Nam

